

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Trúc Hoa

Ông Khúc Thế Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng V, sinh năm 1981, số căn cước công dân: 036181006435; nơi đăng ký thường trú: Số M đường H, phường L, thành phố H; nơi ở hiện tại: Số H đường T, khu phố N, phường B, Thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1976, số căn cước công dân: 031076003037; nơi cư trú: Số M đường H, phường L, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 3 năm 2026 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị Hồng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hoà hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã cố gắng chung sống với nhau để cùng nuôi dạy con cái nhưng được một thời gian ngắn lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Đỉnh điểm đến đầu năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tôn trọng nhau. Anh chị hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị V và anh Đ có 02 con chung là Lê Thị Trang N, sinh ngày 03/7/2001 và Lê Hương G, sinh ngày 02/8/2010. Cháu Lê Thị Trang N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao cháu G cho chị nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị V và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Minh Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, anh Đ và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hoà hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Gia đình hai bên đã động viên hoà giải nhưng không có kết quả nên chị V đã đi vào thành phố H làm ăn sinh sống từ năm 2017 và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay, chị V có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ và chị V có 02 con chung là Lê Thị Trang N, sinh ngày 03/7/2001 và Lê Hương G, sinh ngày 02/8/2010. Cháu Lê Thị Trang N đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V đề nghị Tòa án giao cháu G cho chị nuôi, quan điểm của anh cũng đồng ý giao cháu G cho chị V nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V có đơn trình bày do chị ở xa, sức khoẻ không đảm bảo nên đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Anh Đ cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị V được ly hôn anh Đ. Về con chung: Chị V và anh Đ có 02 con chung là Lê Thị Trang N, sinh ngày 03/7/2001 và Lê Hương G, sinh ngày 02/8/2010. Cháu N đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao cháu G cho chị V trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị V và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại phường L, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị V và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị V và anh Đ qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện anh chị có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Chị V và anh

Đ đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị V và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung:

[4] Chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ có 02 con chung là Lê Thị Trang N, sinh ngày 03/7/2001 và Lê Hương G, sinh ngày 02/8/2010. Cháu Lê Thị Trang N đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V và anh Đ thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu Lê Hương G cho chị V trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, việc thống nhất của chị V và anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật; cháu G cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Vì vậy, cần căn cứ các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V.

+ Về tài sản chung:

[5] Chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Chị Vũ Thị Hồng V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hồng V:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng V được ly hôn anh Lê Minh Đ.

- Về con chung: Chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ có 02 con chung là Lê Thị Trang N, sinh ngày 03/7/2001 và Lê Hương G, sinh ngày 02/8/2010. Cháu Lê Thị Trang N đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Lê Hương G cho chị Vũ Thị Hồng V trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Hồng V và anh Lê Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002679 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị Hồng V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng V và bị đơn anh Lê Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hải Phòng;
- UBND phường , thành phố H (ĐKKH ngày 25/5/2001);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo